

Bản án số: 604/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

2. Ông Nguyễn Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 427/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980; Địa chỉ: đường Y, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường Q, Khu phố 1, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường Y, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường Q, Khu phố 1, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2019, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà và ông Nguyễn Thành D qua thời gian tìm hiểu khoảng 01 (Một) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng đăng ký kết hôn trễ hạn

(Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo bà, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc khoảng 20 (Hai mươi) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho gia đình, vợ con. Ông D thường xuyên rượu chè, mỗi lần như vậy bà đều khuyên bảo nhưng ông D không những không nghe mà còn chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà. Vợ chồng đã cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông bà đã ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Nay nguyện vọng của bà là:

- Về quan hệ vợ chồng: Yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành D

- Về con chung: Bà xác nhận có 02 (Hai) người con, họ và tên là Nguyễn Thanh T (Nam), sinh ngày 02/12/1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thanh Th (Nữ), sinh ngày 03/3/2004. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Nguyễn Thị Thanh Th cho ông D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có

Việc bà muốn chấm dứt hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm mục đích khác.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2019 và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Thành D trình bày:

Ông xác nhận quá trình tiến đến hôn nhân như bà H trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông đó chỉ là những vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống gia đình, ngoài ra do cả hai bất đồng ý kiến trong việc chi tiêu của vợ chồng nên bà H bỏ nhà ra đi, sau khi ông năn nỉ, bà H có quay về hai lần, đến ngày 29 tháng 04 năm 2017 bà H bỏ nhà ra đi cho đến nay. Ông vẫn còn rất thương yêu vợ con, mong muốn bà suy nghĩ lại tạo điều kiện cho ông hàn gắn quan hệ vợ chồng.

- Về quan hệ vợ chồng: không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy H, ông yêu cầu trở về đoàn tụ

- Về con chung: Ông xác nhận có 02 (Hai) con chung, họ và tên là Nguyễn Thanh T (Nam), sinh ngày 02/12/1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thanh Th (Nữ), sinh ngày 03/3/2004. Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Thanh Th, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác nhận không có

* Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như trên

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông D. Ông D yêu cầu trở về đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung, tên là Nguyễn Thanh T (Nam), sinh ngày 02/12/1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thanh Th (Nữ), sinh ngày 03/3/2004. Sau khi ly hôn, Bà H yêu cầu giao trẻ Nguyễn Thị Thanh Th cho ông D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D cũng có yêu cầu là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Thanh Th, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy tại bản tự khai ngày 02/7/2019 trẻ Th có nguyện vọng được ở với mẹ vì trong khoảng thời gian ở nhà chứng kiến việc ba hành hung đánh đập mẹ thì trẻ sợ và không muốn ở với ba. Tuy nhiên, vì bà H cho rằng hiện công việc của bà không ổn định, chỗ ở không có nên bà đồng ý giao trẻ Th cho ông D nuôi dưỡng. Hiện tại trẻ Th cũng đang ở cùng ông D và đi học bình thường. Vì vậy yêu cầu của bà H giao trẻ Th cho ông D nuôi dưỡng là có cơ sở để chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Với các chứng cứ có trong hồ sơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay bà H yêu cầu

ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thành D tạm trú tại địa chỉ đường Q, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (theo xác nhận của Công an phường Đ, Quận 7 tại Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 03/6/2019) nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà H và ông D từng có thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó lại phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên rượu chè, không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho gia đình, vợ con. Mỗi lần ông D say xỉn bà đều khuyên bảo nhưng ông D không những không nghe mà còn chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà. Tuy nhiên, theo ông D thì những mâu thuẫn phát sinh chỉ là những vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống gia đình, ngoài ra do cả hai bất đồng ý kiến trong việc chi tiêu của vợ chồng nên bà H giận ông rồi bỏ nhà ra đi, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, dẫn đến việc sống ly thân giữa hai người từ tháng 4 năm 2017 đến nay.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông D cho rằng ông cần thêm thời gian để vợ chồng ngồi lại nói chuyện với nhau để hàn gắn mối quan hệ, Tòa đã nhiều lần tạo điều kiện thông qua việc mở các phiên hòa giải và phiên họp để cho ông D có cơ hội trình bày nhưng ông D lại không nắm bắt, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng, điều đó thể hiện sự thiếu trách nhiệm với chính quan hệ hôn nhân của mình. Chính những hành động của ông D đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng và không thể hàn gắn.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi hôn nhân thực tế không còn tồn tại, không đem lại hạnh phúc đích thực cho nhau nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 37 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L cấp ngày 27/3/2001 và Giấy khai sinh số 78/2004 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L cấp ngày 29/6/2004 đã có đủ cơ sở để xác định bà H và ông D có 02 (Hai) con chung là trẻ Nguyễn Thanh T

(Nam), sinh ngày 02/12/1998 và trẻ Nguyễn Thị Thanh Th (Nữ), sinh ngày 03/3/2004

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Nguyễn Thanh T hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Xét, tại bản tự khai ngày 02/7/2019 trẻ Th có nguyện vọng được ở với mẹ vì trong khoảng thời gian ở nhà chứng kiến việc ba hành hung đánh đập mẹ thì trẻ sợ và không muốn ở với ba. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H cho rằng hiện công việc của bà không ổn định, chỗ ở không có nên bà đồng ý giao trẻ Th cho ông D nuôi dưỡng. Đồng thời, từ khi bà H và ông D ly thân, ông D là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Th và trẻ vẫn đi học bình thường, vấn đề sinh hoạt và học tập của trẻ Th đã ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Thị Thanh Th cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét, ông D không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành D có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; Điều 91 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành D, xử cho bà H được ly hôn với ông D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyền số 01/2004 đăng ký ngày 08/7/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về con chung: Xác nhận bà H và ông D có 02 (Hai) con chung là trẻ Nguyễn Thanh T (Nam), sinh ngày 02/12/1998 (Đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Thị Thanh Th (Nữ), sinh ngày 03/3/2004

Giao trẻ Nguyễn Thị Thanh Th cho ông Nguyễn Thành D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành D không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thúy H được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0031265 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy bà H đã nộp đủ án phí.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phương Thảo

